

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 7 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 29

Từ đây trở xuống là thứ hai, giải thích về chánh đoạn, văn chia làm hai phần:

1/ Kết thúc những điều đã nói ở trước.

2/ Từ Vô gián này trở xuống, là nói về bốn chánh đoạn.

“Trong phần đầu nói: “Loại trừ thô thô, điên đảo, thấu rõ pháp thiện, bất thiện”. Pháp sư Thái giải thích tiếng Phạm là “Đa-trọng, giống như Sắt na sắt na. Hán dịch là thô thô, về nghĩa cũng như thế”.

Lại, giải thích “Vì bốn đảo (trái ngược) chẳng phải một, nên phải nói lại.”

Lại, giải thích: “Vì thô trái ngược rất sâu nặng, nên nói là thô thô.” Lại Niệm, Trụ ở trước đã hiểu rõ Kiết Cái “có”, hay “không”, nên rõ biết pháp thiện.

Trong văn thứ hai, phần đầu, là giải thích rộng, thứ hai là nói lược về nghĩa.

Trong phần trước là có hai:

1/- Giải thích riêng bốn thứ Chánh đoạn.

2/- Giải thích tên chung.

Trong phần trước, trước là nêu, sau là giải thích.

Từ “Vô gián v.v... cho đến thu nhiếp tâm, gìn giữ tâm”: Nghĩa là nếu theo quyển trước đã nêu đầy đủ về danh:

1- Đối với Pháp ác bất thiện đã sinh, vì khiến cho dứt nên sinh ra sự ham muốn, cố gắng phát tâm siêng năng, tinh tấn, khích lệ tâm, gìn giữ tâm Chánh đoạn.

2- Đối với pháp ác bất thiện, chưa sinh, vì để cho chúng không sinh nên muốn khích lệ v.v....

3- Đối với pháp thiện chưa sinh, vì muốn cho chúng sinh nên sinh tâm khích lệ, v.v....

4- Đối với pháp thiện đã sanh vì muốn cho chúng vẫn được thực hành, không quên mất, khiến cho tu viên mãn, tu tập gấp bội, khiến cho chúng sớm tăng trưởng, rộng lớn, nên phát sinh sự ham muốn cố gắng, khích lệ v.v....

Nay, trong văn này, trước nói về điều ác chưa sinh, pháp bất thiện dứt, nói về đã sinh. Y cứ trong giải thích dưới đây, đầu tiên, là giải thích về thiện ác và sinh, chưa sinh. Sau giải thích về dứt ác, tu thiện, sinh ham muốn cố gắng, khích lệ v.v....

Trong phần trước, trước giải thích về pháp ác sinh, chưa sinh, sau giải thích về pháp thiện sinh và chưa sinh.

Và, chủ thể khởi phiền não đã có kia. Nghĩa là phân biệt khởi hoàn toàn và một phần “tu hoặc” phát ra hành động ác.

Trong pháp thiện sinh, chưa sinh, thế nào gọi là tất cả các pháp thiện? Nghĩa là nếu đối trị v.v... kia. Câu đầu này nói là chủ thể đối trị chung. Hai câu dưới là chủ thể đối trị riêng, nói là kia. Pháp sư Khuy Cơ có hai giải thích:

1/ “Tức chủ thể trị riêng kia, nghĩa là Kiết Cái kia.”

2/ “Ở trước đã giải thích về pháp bất thiện, ở đây, là đối trị của pháp bất thiện ở trước.

Hai câu dưới, phát ra chủ thể trị riêng câu đầu là chung. Kế là giải thích về sự sinh ra ham muốn, cố gắng, khích lệ v.v.... văn chia làm hai:

1- Giải thích về sinh ham muốn, cố gắng khích lệ, phát siêng năng, tinh tấn.

2- Giải thích về khích lệ tâm, gìn giữ tâm.

Trong phần trước lại có hai:

a) Giải thích về sự dứt điều ác, sinh ham muốn.

b) Giải thích về sinh điều thiện, sinh ham muốn v.v....

Trong phần trước có hai:

1/- Giải thích về sinh ham muốn.

Thế nào là tất cả, tất cả? Nghĩa là tất cả nghiệp ác và tất cả phiền não, nên nói lặp lại.

Lại giải thích: “Tất cả sinh và tất cả hòa hợp.”

Kế là, giải thích về đốc sức cố gắng phát siêng năng, tinh tấn có bốn phen:

Phen thứ nhất nói về “Duyên” cảnh quá khứ, vị lai, không trông thấy pháp ác, bất thiện ở hiện tại.

Pháp ác kia chưa sinh, muốn cho chúng không sinh. Nếu chúng đã

sinh rồi, muốn cho được dứt hẳn. Đây gọi là sự khích lệ.

Phen thứ hai, đối với “Duyên” hiện tại, cảnh hiện trông thấy pháp ác, bất thiện. Nếu chúng chưa sinh, thì không để sinh. Đã sinh rồi, thì phải dứt hẳn, phát siêng năng, tinh tấn.

Phen thứ ba, nói về hai chánh đoạn ở trước: Nếu hành hiện tại không khiến cho phiền não “Duyên” pháp quá khứ vị lai kia sinh khởi. Dù cho ghi nhận nhanh chóng diệt, gọi là pháp siêng năng tinh tấn.

Phen thứ tư, là nói về pháp ác, bất thiện “duyên” quá khứ, vị lai là do năng lực phân biệt, chứ chẳng phải sức cảnh giới. Nếu điều ác chưa sinh, thì không để sinh, đã sinh thì phải dứt, gọi là là dốc sức cố gắng, khích lệ.

Nếu “Duyên” hiện tại, do năng lực phân biệt và năng lực cảnh giới chưa sinh, làm cho bất sinh; sinh rồi thì dứt hẳn, phát siêng năng tinh tấn.”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích “Chỉ do năng lực phân biệt sinh, chứ chẳng phải năng lực cảnh giới, vì vào lúc trụ, tư duy quá khứ v.v..., nghĩa là không hiện hành ở cảnh giới, không có cảnh giới để hiện hành. Vì chỉ “duyên” quá khứ, vị lai, nên gọi là trụ.

Cũng do năng lực phân biệt, năng lực của cảnh giới. Tức hiện hành ở cảnh-giới, gọi là hành. Nếu năng lực của cảnh pháp bất thiện lúc sinh, thì sẽ có phân biệt, nên không có câu riêng này. Phân biệt tức tâm mà sinh bất thiện v.v..., ấy là câu riêng ban đầu, tức “duyên” quá khứ, vị lai, câu sinh thứ hai. Cảnh hiện-tại khởi, là giải thích trái với câu thứ nhất ở trước sự cố gắng khích lệ, đồng với tinh tấn. Dưới đây, sẽ giải thích về sinh thiện, sinh dục v.v.... Trong đó lại có hai: đầu tiên, là giải thích về sinh ra dục. Sau, là giải thích về sự cố gắng khích lệ, tinh tấn, đều nêu văn kinh để giải thích.

Trong giải thích về sự cố gắng khích lệ tinh tấn có ba phen giải thích.

Từ đây trở xuống, là thứ hai, giải thích về khích lệ tâm, gìn giữ tâm. Y cứ chung dứt hai việc ác, sinh hai điều thiện, để giải thích. “Nếu hôn trầm, thì khích lệ; nếu điều cử thì phải giữ lại; trên đã giải thích riêng rồi.

Về bốn thứ chánh đoạn, sẽ giải thích sau đây: chánh đoạn, danh từ chung, có hai tên:

1/ Chánh-thắng, vì vượt hơn phiền não.

2/ Chánh-đoạn, vì dứt trừ phiền não.

Luật Nghi Đoạn, đoạn, đoạn: Luận sư Cảnh nói: “Chế ngự điều

ác, gọi là Luật nghi. Đầu tiên, tu tinh tấn hữu lậu, chế phục pháp ác đã sinh kia, để cho chúng không lôi kéo về sau, gọi là Luật nghi đoạn. Về sau tu tinh tấn vô lậu, dứt điều ác đã sinh, đã huân tập hạt giống, cũng gọi là luật nghi đoạn. Pháp ác chưa sinh kia vốn có nghĩa sẽ sinh, vì dứt trừ “sẽ sinh” hiện hành, nên, vì dứt hạt giống đó, nên nói đoạn. Vì thế nên nói là “Đoạn, đoạn”.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Luận nghi đoạn, Luật nghi gọi là ngăn lỗi. Ngăn ngừa việc ác đã sinh, không để nó tăng, khiến không tăng trưởng.”

Giải thích riêng. Do mười nhân duyên, giới thiện thanh tịnh. Nghĩa là quyển hai mươi tám ở trước nói có mười pháp thuận với Học.

- 1- Lìa ấp của mẹ.
- 2- Lìa yêu dấm.
- 3- Lìa biếng nhác.
- 4- Lìa ngã kiến.
- 5- Lìa vị đoạn thực.
- 6- Lìa ngôn luận về ái.
- 7- Lìa mười một lỗi.
- 8- Lìa vị Định.
- 9- Lìa tán loạn.
- 10- Nhẫn nhục.

Ngăn ngừa che chở đoạn, tức tinh tấn này tu không buông lung, ngăn ngừa điều hành đã sinh, vì lìa sự lui sụt.

Từ đây trở xuống là thứ hai, nói về nghĩa giản lược. Nghĩa là vì chỉ bày rõ ràng trong sự việc bỏ, lấy hắc, bạch, cho đến bốn thứ chánh đoạn v.v...

Giản lược trên là chỉ thị rõ: Bỏ hai sự hắc, lấy hai sự bạch.

Sinh ra dục, gọi là ý ưa đầy đủ, do sự cố gắng khích lệ phát sinh năng tinh tấn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm, gọi là gia hạnh mãn.

Sự tu Du-già chỉ có ngăn ấy việc đúng, nên thực hành, cho đến hy vọng mong cầu ưa muốn, lược lại văn trên, vì dứt ba điều ác, vì tu ba việc thiện mà sinh mong muốn. Vì dứt các triền, nên tu chỉ, nêu tướng xả, đây là giản lược văn trên: nếu ở chỗ gìn giữ tâm, vì đoạn ba việc ác, tu ba điều thiện, lúc tâm trầm mất, liền lấy tướng tịnh, nhằm khích lệ tâm giao động quá, liền dừng tâm ở chỉ, để chế ngự giữ gìn tâm. Nếu không trao cửa thì tâm xả nối tiếp nhau, có thể dứt các triền. Vì dứt các triền và tùy miên, nên lại phải tu tập pháp thiện để đối trị.

Giản lược ở trên vì dứt hai việc ác hiện khởi Triền và Triền tùy

miên nên lại phải dùng hai cặp thiện: chưa sinh và đã sinh.

Phen thứ ba, giải thích về bốn thần túc, trong đó có hai:

1- Giải thích rộng về tướng của bốn thần túc.

2- Hỏi đáp nhằm phân tích nghĩa của thần túc.

Trong phần trước, trước nêu, sự hệ thuộc, sau, giải thích rộng.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích “Thể của bốn thần túc là Định, từ nhân được tên, nên nói là Dục v.v.... Lại, Định là Túc của thần thông. Lại, Định gọi là thần, bốn thứ này là tâm túc của Thần. Thần túc ở đây là tâm vương.

Pháp sư nói “Lại hoặc là Định”

“Nếu ở vào lúc này v.v... “ trở xuống, là thứ hai trong giải thích rộng, văn chia làm ba:

1/ Nói về bốn Định hữu lậu chế phục triền.

2/ “Người kia do như thế v.v... “ trở xuống, là nói về bốn Định vô lậu dứt hạt giống.

3/ “Dục” trong đây, nghĩa là ở đây, đó muốn tu hạnh tám đoạn dưới gồm thân bốn Du-già. Trong phần đầu nói: “Nếu vào lúc này, thuần túy sinh ưa muốn, cho đến khởi niệm một cảnh, đối với dục đã sinh tự tánh chướng Tam-ma-địa và chướng nhân duyên, muốn tu đối trị sự nhằm chán, chuyên cầu ở định, khởi niệm một cảnh. Đối với các pháp thiện, cho đến niệm một cảnh, tư duy, quán sát về tự tánh các thiện của Tam-ma-địa và nhân duyên thiện, với hy vọng, mong cầu tu tập trụ niệm một cảnh, đây là phương tiện, tức do trở xuống, là nhân muốn tu tập được Tam-ma-địa, chỉ là hiện triền, chưa hại hạt giống.

Kế là, nói về vô lậu định đoạn. Do sức tu bốn Tam-ma-địa như thế, nên đã lìa xa các triền, cho đến đạo gia hạnh v.v....(Luận sư Cảnh nói: “Dù do bốn định hữu lậu được lìa các Triền, là dứt tùy-miên, lại còn siêng năng tu tập các định vô lậu, lại còn khởi riêng tâm thắng-giải, dục, tinh-tấn; quán bốn nhân tu định vô lậu.

Trong tu bốn nhân này, mỗi nhân có khả năng dứt hai điều ác, sinh hai việc thiện. Như đạo-lý gia hạnh của bốn chánh đoạn.

Nói: “Do hai nhân duyên nên phân biệt biết rõ về tùy-miên, nghĩa là do tư-duy cảnh-giới không thấy và do xả cảnh giới hiện đang thấy.

Trong tám hạnh đoạn, chỉ dựa vào hai hạnh đoạn sau mà biết đoạn tùy-miên, vì trong tất cả thời gian phát ra thân, ngữ, đều thường tu chỉ, quán, nên biết ý tứ không hiện thấy đã lìa Tùy-miên. Do trong cảnh phiền-não của ba đời, tâm không có nhiễm ô, và vì biết đã dứt tùy-miên, nên nói rằng: “Và do xả cảnh giới hiện đang trông thấy.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: Kia cho như thế cho đến sai khác mà chuyển, v.v... ở đây nêu là muốn nói lý do tám hạnh đoạn. “Tám Hạnh đoạn xưa gọi là tám lạc; tám tư lương;

Cử trong ý muốn nói, chia ra hai môn:

1/ Vì dứt Tùy-miên. 2/ Vì định Viên-mãn.

Y cứ theo cách giải-thích dưới đây, thì hai thứ có thể đoạn Tùy-miên, cho nên, văn sau nói rằng: “Do hai nhân-duyên phân biệt biết rõ, nên đoạn Tùy-miên. Nghĩa là do Tư-duy hiện thấy và do xả không hiện thấy, nên do hai duyên này có thể dứt Tùy-miên.

Theo trong giải thích đầu tiên về sức cố gắng, khích lệ của quyển này, nói: “Nếu “duyên” cảnh sự quá-khứ, vị lai, gọi là “duyên” không hiện thấy. Nếu “duyên” cảnh sự hiện tại thì gọi là “duyên” cảnh hiện đang thấy”. Nghĩa này tức tư-duy đoạn, hiện tại xả chung cho cảnh sự quá khứ, vị lai.

“Nếu vậy thì vì sao trong giải thích về xả lại nói: “ Rằng hành quá khứ, vị, hiện tại ở ba đời thuận theo các điều ác, tánh bình đẳng của tâm, nếu chia ra Tư là một đời thì xả là hai đời”. Thật ra, nghĩa là Tư, Xả, cho đến đã sinh hôn trầm, điều cử, vì có thể xa lìa, nên tức dứt chung Tư, Xả của ba đời.”

Hai pháp đã gọi là dứt Tùy-miên, sáu pháp còn lại so sánh mà biết Tam-ma-địa Viên-mãn. Lại, văn dưới đây nói: “Nếu tám hạnh đoạn đã nói ở đây là vì dứt hẳn tất cả Tùy-miên, viên mãn thành xong Tam-ma-địa, tất cả gọi là chung là dục Tam-ma-địa. Xét văn chung này, tức giống với tám thứ đều có hai công-năng. Lại, gồm thấu bốn Du-già, chủ thể dứt tùy-miên.

Lại nữa, tư, chủ thể phát thân, khẩu, sinh ra nghiệp thân, ngữ thiện, dứt thân ngữ ác. Vì thân, ngữ là sắc, nên Tư từ sắc được gọi là Tư hiện thấy. Xả chỉ ở ý, vì chẳng đồng với Tư, nên gọi là xả không hiện thấy; chưa hẳn đồng với văn ban đầu của quyển này.

Tám thứ hạnh đoạn như thế, là hạnh vượt hơn, tức là Du-già vì hại Tùy-miên. Luận sư Cảnh nói: “Du-già, hoặc gọi là phương tiện, hoặc gọi là Tương-ứng v.v...”.

Dưới đây, dùng tám thứ sau, gồm thấu bốn thứ trước. Tám đoạn, tức Tứ Du-già quyển 28 ở trước, nói chủ thể dứt Tùy-miên, tức phương-tiện dục; tinh tấn; tín. Dù đối-pháp có bốn thứ tương gồm thấu, nhưng hoàn toàn không đồng, không thể hội nhập với Du-già.

Theo thứ lớp của Luận Đối Pháp Kia và tám đoạn này, thật sự không đồng với Tứ Du-già quyển 28 ở trước. Theo thứ lớp tám đoạn

này, như văn trước, sau sinh nhau: Quyển trước nói: “Tín trong Tứ Du-già là Đối pháp đầu tiên cũng đồng. Cho nên tín của Văn luận kia là nhân của Dục.”

Cứ nghĩa nói: “Khi dục, tinh tấn, không lia tín. Tín kết hợp ngay từ ban đầu, bởi có tin Phật v.v..., mới khởi Dục v.v....”

Nay vì lý do không lia tín, nên cố ý nói tín ở sau. Văn của Đối pháp này tự hội nhập bốn Du-già rồi nói là vì sinh thứ lớp, nên Tín là ban đầu.”

Hỏi: “Vì sao gì, lượt hỏi đáp thứ hai dưới đây nói về nghĩa thần túc? Có phải vì từ chỗ kia đến nơi này, nên gọi là thần túc chăng?”

Luận sư Cảnh đáp: “Ở đây nói Định hữu lậu gọi là thần; Dục v.v... gọi là túc. Như thế, dưới đây, phân biệt về định xuất thế gọi là thần, khởi riêng dục ở trên vượt hơn, tiến đến quán tâm và tám hạnh đoạn, gọi là Túc.

Pháp sư Thái nói: “Định hay khởi các pháp thù thắng công đức, vì không so lường được, nên gọi là thần, vì có thể đạt đến công đức không lường, nên gọi là Túc.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì từ nơi kia đến nơi này, nên gọi là Thần túc, tức có thể đi qua đi lại v.v..., gọi là Thần túc, là hiệu quả của Định. Vì Dục v.v... làm nhân hay được thần định này, nên gọi là Thần túc.

Thứ tư, giải thích về căn, lực, trong đó có bốn:

- 1- Giải thích tướng của năm căn.
- 2- Giải thích tướng của năm lực.
- 3- Y cứ chung căn, lực, nói về tướng “túc” còn lại.
- 4- Y cứ chung căn, lực, biện biệt về bốn thiện căn.

Trong phần đầu, rằng do theo thứ lớp, bốn thần túc định trước tiến tu Du-già tâm học, Tuệ học. Do tinh tấn tu tập Du-già này nên sinh niềm tin thanh tịnh sâu sắc đối với đệ tử Phật. Đức tin này có công năng sinh ra pháp xuất thế gian và khả năng khởi pháp sau, cho đến tuệ căn là tăng thượng v.v... của tín kia.

Tín trong đây có hai tăng thượng:

1/ Có công năng sinh ra pháp xuất thế gian làm tăng thượng.

2/ Vì theo thứ lớp có thể sinh ra pháp sau, làm tăng thượng, nên gọi là căn. Bốn văn trước vì hội đủ cả hai nghĩa. Nên tinh tấn v.v... ở trước cũng là pháp tạo tác. Tuệ kia chỉ có một nghĩa, chỉ hay khởi pháp xuất thế gian mà làm tăng thượng, không có công năng xoay vần sinh nghĩa sau.

Trong giải thích về năm lực, nói: “Nếu lại biết rõ đối tượng chứng

trước, sau mà có khác nhau. Biết rõ đầu tiên do tín căn, lúc sau là pháp xuất thế. Kế là, hiểu rõ về tính tấn căn, sau đó, chứng pháp xuất thế, cho đến tuệ căn chỉ chứng pháp xuất thế, nên nói: “Biết rõ sự khác nhau của đối tượng chứng trước sau.”

Y cứ chung căn lực, phân tích về căn trong “tức” của tướng khác tức năm câu.

Phải quán tín căn, tín lực, cho đến “vì sao”? Nghĩa là tín lực hữu lậu ở trước kiến đạo, thì làm sao được tín trong bốn chứng tịnh trong kiến đạo? Nên nói: “vì sao”.

Dưới đây, là giải thích vì do tín lực, nên sinh niềm tin trong chứng tịnh của kiến đạo kia. Vì thuộc về nhân, quả nên nói rằng: “Tức là” chứ chẳng phải tức thể kia, chẳng phải tức tướng kia.

Phải quán tinh tấn căn lực trong đây, nghĩa là tinh tấn căn, lực trong bốn thiện căn này “tức là” sở hữu tinh tấn trong bốn chánh đoạn của ba phương tiện trước.

Nói: “đây là chánh đoạn gì cho đến chánh đoạn phương tiện: là giải thích chánh đoạn lại do bốn chánh đoạn, và tinh tấn lực trong ba phương tiện trước, dẫn dắt sanh giác chi tinh tấn trong Kiến đạo, dứt kiến hoặc.

Nói là ý trong đây nói về duyên cơ đến pháp ác, bất thiện. Ý trong đây nói do tinh tấn Căn, Lực, dẫn dắt sanh giác chi Tinh tấn trong bốn chánh đoạn của Kiến đạo, rốt ráo dứt ác. Cho nên, Nhân, Quả, trước sau, “tức” nhau.

Phải quán Niệm căn, Niệm lực trong đây, cho đến tất cả điên đảo. Nghĩa là Niệm căn, Niệm lực, “tức là” chánh niệm đã có trong chi giác Niệm v.v... trong bốn niệm của Kiến đạo.

Rằng bốn Niệm trụ, chủ thể đoạn tất cả điên đảo mê khổ đế v.v....

Trên đây, phát ra thể của bốn Niệm trụ là Niệm Tuệ kia, nên nay, Niệm căn, Niệm lực tức bốn Niệm Trụ.

Phải quán Định căn, Định lực trong đây, cho đến chứng quả Bất hoàn. Luận sư Cảnh nói: “Theo thứ lớp chung của Định căn, Định lực vượt hơn con người mà được. Nếu theo thứ lớp Định căn, Định lực của con người thì là định Vị Chí. Nếu vượt qua con người, vì nương tựa chung bốn tinh lực, nên nói đã có chánh định trong bốn Tinh lực. Nếu vượt hơn con người, nương tựa định Tinh lực căn bản, định lực căn bản, nhập kiến đạo, vượt lên chứng quả Bất Hoàn.

Lướt qua không nói dựa vào định Vị Chí, định căn, định lực là

phương tiện nhập Kiến đạo, chứng quả Dự lưu, Nhất lai v.v... kia.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Hai quả đầu trong đây, chỉ được vị lai, hưởng về thứ lớp trước, đến quả Bất Hoàn, được bốn tĩnh lực, phát sinh thần túc, nên ở đây nói riêng, không nói quả thứ tư, chẳng phải vì thứ lớp. Lại, vì ảnh hiển, lại vì lược, qua không nói. Phát sinh thần túc, Như ý túc trong bốn Tĩnh lực, không nói định khác.

Phải quán tuệ căn, tuệ lực trong đây đến khi được quả Sa-môn. Nghĩa là do tuệ căn, tuệ lực trước đây của Kiến đạo, tức trí trong Kiến đạo; do tuệ căn, tuệ lực ở trước dẫn khởi Thánh trí được quả Sa-môn, cho nên, nhân quả trước, sau “tức” nhau.

Thứ tư, y cứ chung vào Căn, Lực để nói trong bốn thiện căn. Luận sư Cảnh nói “Nếu y cứ ở năm căn thêm mạnh, tức là Noãn Đảnh, vì lấy khởi đầu làm nền tảng, nên địa vị Noãn, Đảnh kiến lập năm căn. Nhẫn và Độ nhất sinh gần kiến đạo, khó điều phục gọi là lực.

Nay, trong văn này nói chung cả hai mặt mạnh và yếu: hoặc căn hoặc lực chung cho bốn thiện căn. Có nghĩa năng sinh tăng thượng, gọi là Căn; có nghĩa không chịu khuất phục, khó điều phục, gọi là lực. Căn lực như thế chính là thể của bốn thiện căn.

Nói: “Tức do căn lực như thế, phần nhiều vì tu tập nên phát khởi bốn thiện căn”, là vì y cứ ở công hạnh để thành lập gia vị, nên nói là phát khởi.”

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Căn lực trong đây, như luận Trung Biên chép: “Căn ở Noãn, Đảnh; Lực ở hai địa vị sau.”

Nay, cho đến nói: “Do căn lực này nên phát sinh Quyết Trạch Phần”, nghĩa là Căn, Lực này là riêng; phần Quyết Trạch là chung. Lấy cái riêng để phát sinh cái chung, nên gọi là phát sinh, tức đều cùng lúc, chẳng phải phát sinh trước, sau khác thời gian, đó là lý do gọi là phát khởi.”

Có người nói “Được Kiến đạo trước đó đã có Vô lậu. Nghĩa là như biện luận theo thứ lớp dưới đây: “Do căn, lực không có gián cách, nên phát sinh thánh pháp vô lậu xuất thế, cho nên biết trước đây là hữu lậu, không thể nói là vô lậu.”

Thứ năm là giải thích về chi giác. Đây là thế nào? Luận sư Cảnh nói: “Trong pháp đạo phẩm đã nói về năm lực, sau năm lực này, lại nói về pháp nào?, cho nên nói thế”

Nay giải thích về thánh pháp vô lậu mà ở chương trước đã nói riêng, phải biết cũng thế, nên nói: “Đây là thế nào?”

“Rằng bảy giác chi cho đến v.v... nên gọi là chi giác.” Văn này

tức nói là trạch pháp giác tuệ, vừa giác vừa chi giác, sáu pháp còn lại là chi giác, chứ chẳng phải giác, vì ba phẩm gồm nhau, như văn. Quyển chín mươi tám ở sau, y cứ vào bảy thứ báu của Luân vương để thí dụ, hãy xét xem.

Thứ sáu, là giải thích về chí đạo, đầu tiên nói rằng: “đã thấy dấu ấn của Thánh đế rồi, vĩnh viễn đoạn diệt v.v..., nghĩa là sắp nói về tám chi đạo, nên kết trước, sinh sau. Y theo phân biệt được chia làm năm:

- 1- Nói thuộc về ba uẩn.
- 2- Giải nghĩa chi đạo.
- 3- Nói về tướng của chi đạo.
- 4- Nói về lập chung hai thứ.
- 5- Nói về giai đoạn của chi đạo.

Chánh niệm, chánh định, thuộc về định uẩn. Vì niệm thuận với định, nên ở đây là định uẩn.

Niệm trong môn giác chi có ở cả hai phẩm; còn niệm của chi đạo này chỉ thuộc về định, vì sao? Vì ở trước, y cứ vào môn Chỉ, Quán để phân biệt về sự gồm thâu, nên về nghĩa có khác với phần nói về tướng.

Nói rằng: Phải biết trong đây, nếu khi chi giác đến kết hợp thì gọi là chánh kiến”. Ngài Tam Tạng nói “Lúc bảy chi giác ở chân kiến đạo, đã được chân trạch giáo pháp. Nay ở tướng kiến đạo, lấy trí hậu đắc nhằm an lập quán, hạnh, như chân kiến đạo, chân chứng mà giác. Vì thế, nên hai giác này kết hợp lại gọi là chánh giác.

Nay, chánh kiến trong Tu đạo cũng có hai:

1/ Chánh kiến của Trí Vô phân biệt.

2/ Chánh kiến xuất hiện Hậu Trí, chánh kiến, như chân kiến kia an lập mà thấy, hợp lại, gọi là chánh kiến.

Chánh tư duy kia kia, nếu tương ứng với trí vô phân biệt, tức là trí vô phân biệt và tư duy đều lìa tà tư duy, gọi là chánh tư duy, tức dùng phân biệt Tư Tuệ, gọi là chánh tư duy. Nếu tâm thu nhập các đối tượng Tâm, Tư, cho đến tất cả Tư, thì phát ra Thể của chánh tư duy ở trước. Vả lại, vì y cứ vào thể của chánh tư duy trong Hậu trí tâm, nên nói rằng Tâm, Tư với tướng trạng như thế. Nếu tâm thu nhập đối tượng ngôn luận cùng cực, là gọi là chánh ngữ, nghĩa là do năng lực của hai thứ giác, chánh kiến ở trước, về sau, khởi tâm thiện, phát ra các thứ ngữ, đều gọi là chánh ngữ. Dưới đây sẽ nói về chánh nghiệp:

Luận sư Cảnh nói: “Đây là nói về Tán tâm. Trong không có sân, si, đã khởi các thứ thân nghiệp chánh tri, gọi là chánh nghiệp”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu đúng như pháp cầu mong những việc

y phục, thức uống, ăn v.v..., thậm chí khi theo đuổi mong cầu được cung cấp cho thân những đồ dùng lặt vặt, đây tức là đối tượng mong cầu lúc đeo đuổi cầu mong.

“Hoặc đi qua, hoặc đi lại” trở xuống, là cho đến hoặc lúc trụ, đây là việc đã làm khi trụ, trái với quyển hai mươi hai nói, hãy nghiêm xét.

Nay tra cứu ở quyển hai mươi hai, đã nói về sự theo đuổi mong cầu phi pháp về phương tiện y phục, ăn uống v.v..., chứng tỏ rằng mình là người có đức v.v..., được gọi là tà mạng. Trái lại là chánh mạng.

Nay, văn này nói lúc như pháp cầu chánh tri mà trụ, gọi là chánh nghiệp. Trái lại là tà nghiệp. Dưới đây nói lúc như pháp cầu, lìa khỏi pháp tà mang, gọi là chánh mang. Nghĩa là tức hai nghiệp thân, ngữ từ vô tham sinh, lìa hết pháp tà mạng, gọi là chánh mạng, trái lại là tà mạng.

Giải thích về chánh tri mà trụ, vì như quyển hai mươi bốn nói, nên không trái nhau.

“Nếu xa lìa gồm thân chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, cho đến trước đây đã đạt được”, là nói về chánh ngữ, chánh Nghiệp, chánh Mạng thuộc về xa lìa tu đạo. Người kia ở kiến đạo lúc chứng được các chi giáo, đã được trước đó.”

Hỏi: Vì sao pháp này gọi là giới được bậc Thánh yêu thích? Đây là nói về chánh ngữ, chánh Nghiệp, chánh Mạng, được gọi là lý do tại sao giới được bậc Thánh yêu chuộng.

Nói “Bất tác luật nghi. Đây là cộng giới của đạo vô lậu, gọi là Bất luật nghi, tức do sức của giới mà bậc Thánh đã yêu mến, nên sự nghiệp nuôi mạng, thân nghiệp, ngữ nghiệp hữu lậu đã có lúc tu đạo, đều được gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

“Do năng lực tăng thượng của bốn Niệm trụ”, cho đến “cùng với chánh định”: Pháp sư Cơ nói: “Ý trong câu này nói: Do bốn niệm trụ là nhân sinh tâm, Định đồng thời với chín thứ Niệm. Chín thứ niệm tức đồng với an trụ niệm v.v..., đồng với chín thứ định, dùng chín thứ định này làm giúp đỡ. Định cũng là chín thứ, vì chánh niệm là chủ thể gồm thân, giúp đỡ là bị lệ thuộc (đối tượng gồm thân).

Trong nói về lập hai thứ, nói rằng: “Vô sở tác”, nghĩa là chánh ngữ, Chánh nghiệp, chánh mạng, do y cứ ở ý tứ, chủ thể lìa tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, khiến cho không có tác động, gọi là vô sở tác, lại không có tự thể riêng.

Trụ sở tác nghĩa là năm thứ còn lại có ba, quán này hai là chỉ,

nghĩa là có thể, có công năng, gọi là trụ sở tác.

Trong phần nói về địa vị, nói dựa vào giới, để tu chỉ, quán, dứt kiết, được A-la-hán. Tu đạo dứt “hoặc” nối tiếp nhau trong thời gian dài, gọi là tu đạo. Trí Suất nhĩ sinh, tức dứt “hoặc” hẳn, được gọi là kiến đạo. Văn này tức chứng nhất tâm kiến đạo, là nói rốt ráo, hoặc gọi là kiến đạo.

“Do Nhân duyên này, đến phương mới kiến lập”. Nghĩa là do một tu đạo có phát ra quán, khởi chánh ngữ v.v... chứng tỏ đã có chánh ngữ v.v... trong quán, cho nên lập chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Kiến đạo không phát ra quán, khởi chánh ngữ v.v... nên không lập. Lại vì tu đạo nối nhau trong thời gian dài, nên phải nương tựa giới để tu ở “phương” chỉ quán, đều tu hoặc, chứng ba quả sau. Cho nên, “phương” trong tu đạo mới lập giới. Do kiến đạo kia trí “suất nhĩ” sinh, tức vì dứt kiến hoặc, nên không lập giới.

Dưới đây là tổng kết:

Thứ mười ba, giải thích về tu quả, trong đó có hai:

1- Nói về tu quả.

2- “Lại ở trong đây v.v...” trở xuống, là nói về người tu quả, có phần bạt trần phiền não thêm riêng v.v....

Trong phần trước, đầu tiên hỏi; kế là, giải thích; sau là kết.

Trong giải thích có hai:

1- Nêu tên bốn quả và phát ra thể của quả.

2- Hỏi đáp, nói về nhân duyên lập quả.

Trong phần đầu, một người dự lưu do bỏ phàm phu, chứng để hiện quán, ở dòng họ thánh, nên nói là Dự lưu.

Nhất lai như ở trong loài người, được quả thứ hai, vãng sinh lên cõi trời. Nhất lai được nhập Niết-bàn trong loài người, nên nói rằng Nhất lai.

Đã lìa phiền não cõi Dục, sinh lên cõi trời bất hoàn, nên nói là Bất Hoàn.

A-la-hán, Hán dịch gọi là Ứng Cúng. Trí đoạn đầy đủ, xứng đáng thọ nhận cúng dường, nên nói rằng Ứng Cúng. Hoặc gọi là Sát tặc; hoặc gọi là Bất sinh, như thường phân biệt. Thánh đạo, gọi là Sa-môn, dứt phiền não, gọi là quả, hướng về Thánh đạo, gọi là Sa-môn, Sa-môn, Hán dịch dịch là “Lao quyện”: Siêng năng tu hành, tiêu diệt điều ác, sinh việc thiện nên nói như thế. Tùy dứt phiền não, đã chế phục trạch diệt, gọi là quả. Đây là đối với chân như, tùy “hoặc” dứt được, giả nói là Trạch diệt, gọi là quả vô vi. Lại, đạo sinh sau, hoặc trung, hoặc thượng,

là đạo sinh trước, quả mới được sinh. Nghĩa là đạo giải thoát, hoặc trung hoặc thượng; là do sức của đạo Vô gián trước đã được quả hữu vi, cho nên luận Tiểu thừa nói rằng; “Sức của đạo Vô gián được quả Hữu vi, Vô vi.”

Kế là nói về nhân duyên lập quả. Vì đối trị bốn thứ phiền não, nên kiến lập bốn quả.

Dưới đây sẽ nêu ra bốn thứ phiền não bị đối trị đó là vô sự, cho đến kiến lập quả Dự lưu. Nghĩa là kiến hoặc của ba cõi, Tát-ca-da kiến là đứng đầu. Kiến này chấp ngã hoàn toàn điên đảo: đối với “không” mà chấp “có”, vì trong đối tượng chấp ngã là không, nên gọi là vô sự. Cho nên, kiến hoặc gọi là chung là vô sự. Vô sự phiền não, chủ thể lôi kéo đến đường ác.

Nay, đoạn hoặc này và thường hay tu, khởi đạo đối trị kia, nhằm lập quả dự lưu.

Theo quyển năm mươi tám chép: “Khổ phẩm hạ có mười; ba Đế, mỗi Đế đều có tám; Tu đoạn có sáu. Nếu theo Luận Đối Pháp thì cõi Dục có bốn phẩm hạ, mỗi phẩm có mười “hoặc”, tu đoạn có sáu. Tổng hợp bốn mươi sáu. Cõi Sắc Vô Sắc có năm môn dưới, mỗi môn đều loại trừ sân, đều có bốn mươi một. Ba cõi gồm có một trăm hai mươi tám phiền não, trong số đó, mười sáu phiền não là do tu đoạn. Số còn lại có một trăm mười hai là phiền não do kiến đoạn.

“Dự lưu đã dứt phiền não xong, vì sao đức Thế tôn chỉ nói là dứt hẳn ba kiết, lập quả Dự lưu ư? vì chung cho vấn nạn này, nên nói: “mà Đức Bạc-già-Phạm nói v.v...”, theo cách hành văn rất dễ hiểu.

Quả Dự lưu này, cho đến nhiều đời nối tiếp nhau. Tức nói cùng cực đủ bảy đời, gọi là nhiều đời nối tiếp nhau. Nghĩa là nếu dứt trừ phiền não của lần tái sinh nối tiếp nhau, cho đến lập một quả Nhất lai, thì tu hoặc cõi Dục sẽ được chia làm chín phẩm. Vả lại y cứ ở mười bốn lần sinh để nói, nếu dứt ba pháp trước thì còn dư sáu đời. Nếu dứt thứ năm trong một đời thì phải dứt thứ sáu. Lại tổn hai đời, chứng quả thứ hai, hai đời còn lại, gọi là một lần qua lại được quả trong loài người; một lần vãng sinh lên cõi trời, một lần đến trong loài người được nhập Niết-bàn, gọi là quả Nhất lai. Nếu không dứt hai phẩm năm, và sáu kia, vẫn đối với hữu của trời, hữu của người, đều thọ tái sinh nối tiếp nhau.

Nay dứt hai phẩm phiền não năm, sáu, thì sẽ dứt hẳn cõi trời, cõi người tái sinh nối tiếp nhau mà có phiền não. Nếu đã dứt hẳn, thì có thể dứt “hoặc” lần sinh sau. Phiền não này đến lập quả Bất hoàn, nghĩa là ba phẩm “hoặc” sau, nếu không dứt hẳn thì sẽ sinh lại cõi Dục. Nay đã

dứt hẳn, không còn sinh lại nữa, chỉ có thọ sinh ở cõi Sắc, Vô Sắc.

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “Chỉ ở cõi trời sẽ có thể thọ sinh, nghĩa là trong khi một người kia ở trên cõi Trời đã thọ một hữu trong cõi người, thì sẽ không còn sinh lên cõi trời nữa, gọi là Bất hoàn. Trong đây y cứ ở tác pháp trong người; đây là từ quả đặt tên, nhân trở điếm chưa gọi là Bất hoàn, hoặc đã dứt hẳn “hoặc” cõi Sắc, Vô Sắc, sinh ra phiền não, lập A-la-hán. Dưới đây sẽ dẫn thuyết, để chứng thành, chỉ chứng ba quả sau: về quả đầu, đã dẫn chứng xong, như thuyết trước nói, nghĩa là người Dự lưu đã dứt ba kiết, nay, lại tiến đến dứt tu hoặc. Sáu phẩm trước như tham, sân, si v.v..., trụ ở quả sau, gạn chứng quả Nhất lai, cho nên nói rằng: “dứt hẳn ba kiết mỏng tham, sân, si. Lại, người Dự lưu trước đó đã dứt ba kiết trong năm phần dưới. Người quả Nhất lai lại dứt sáu phẩm trước tham, sân. Bấy giờ lại dứt ba phẩm sau của hai kiết trong tham, sân. Vì nhân quả trước, nên nói rằng: “Dứt năm kiết phần dưới, lập quả Bất Hoàn. Người Bất Hoàn này đã lìa kiến hoặc ba cõi và lìa tu hoặc cõi Dục. Vào lúc này lại còn lìa Tu hoặc của tám địa cõi Sắc, vô Sắc. Do nhân quả trước, nên nói rằng dứt hẳn tất cả phiền não, lập quả thứ tư.

Từ đây trở xuống, là thứ hai, nói về người tu quả có đẳng phần riêng phiền não thêm riêng. Trong đó chia làm hai:

1- Nói hạnh riêng của bảy người.

2- Hỏi đáp, nói lại hành tướng khác nhau của đẳng phần, bạc trần.

Ở trước, chia bảy người làm ba hạng:

1- Phiền não tăng riêng.

2- Đẳng phần.

3- Bạc trần.

“Lại, ở trong đây cho đến người siêng năng tu gia hạnh v.v... ”. Đây là người tu hành thêm riêng tham v.v..., trước, phải nương tựa đối tượng duyên tịnh hạnh kia, nhằm tịnh tu tâm mình, rồi mới an trụ. Nếu người tu hành kia mang nhiều tham vọng, thì phải tự duyên bất tịnh, Sân nhiều thì tự tu thương xót; si mê nhiều, thì tự quán duyên khởi. Ngã mạn thì tự quán sáu giới; Tâm, tư nhiều, thì tự quán hơi thở, cho nên nói: “mỗi người đều có đối tượng duyên riêng, siêng tu gia hạnh. (Rộng như luận trên nói).

Nếu người tu hành đẳng phần thì tùy đối tượng cú, lạc, duyên bám cảnh đó, siêng năng tu gia hạnh. Ân cần tu như thế, chỉ để cho tâm dứt, chứ chẳng phải tịnh hóa hạnh của mình. Người tu hành đẳng phần đã khởi phiền não, đều không thêm riêng nên không quán riêng cảnh

bất tịnh v.v.... Chỉ tùy theo điều họ ưa thích, chẳng hạn, hoặc quán vô thường khổ, không v.v... với mục đích chỉ sao cho tâm họ được dứt mà thôi, chứ chẳng phải như thêm riêng, tịnh hóa riêng hạnh của họ. Cho nên nói rằng: “chẳng phải tịnh hóa hạnh mình”. Như người ta tu hành đẳng phân, hành giả Bạc phân cũng thế. Tuy nhiên, giữa các hạnh của họ có nhiều điểm khác nhau:

Hành giả tham v.v..., lúc tu, thì phải trải qua thời gian lâu, mới chứng tâm, trụ, Đẳng phân thì không lâu; còn Bạc trần thì rất mau chóng.”

Pháp sư Thái nói: “Trước tu ngũ năm pháp quán dừng tâm để đối trị “hoặc” gia tăng, trước, phải tu tự quán tịnh, nhằm trị “hoặc” của mình, mới mong chứng được tâm định. Nếu là hành giả đẳng phân thì không có “hoặc” riêng để trị, chỉ tùy thuộc vào “hoặc” đã ưa thích, thực hành quán bất tịnh, cho đến quán sáu giới, duyên theo cảnh đó, chỉ để cho tâm dứt. Vì không có “hoặc” tăng thượng để trị, nên chẳng phải tịnh hạnh.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Người tham, sân, si đều có đối trị. Trước đối với năm pháp quán dừng tâm gọi là Định do thế lực khác nhau của đối tượng duyên. Tùy theo hành giả tham, thực hành quán bất tịnh, siêng năng thực hành tu tập tâm, mới an trụ. Với người tu hành đẳng phân thì tất cả có đủ, tùy theo công hạnh đã làm đều được tu hành. Vì thế, nên dưới nói rằng: “Người tu hành đẳng phân đối với năm pháp quán dừng tâm, tâm họ mới được an trụ, chẳng phải tịnh hóa hạnh của họ”

Có người nói: “cũng dứt “hoặc” phi.

Xưa nói là quán Sở tức, trừ hai phẩm giác, quán. Nay, chỉ trừ giác, nên chỉ nói là hạnh Tâm, Tư, chứ chẳng phải trừ Từ.”

Hỏi: Vì sao không trừ Từ?”. Vì Từ, đối với cảnh, xem xét kỹ rồi mới “duyên”, còn Tâm thì tán loạn, nên nói là trừ tâm?

Kế là, hỏi đáp, nói lại sự khác nhau của hành tướng Đẳng phân và bạc trần. Đầu tiên nói về Đẳng phân khác nhau Sau nói về Bạc trần.

Trong phần đầu, đáp về “Đẳng phân hành”, cho đến “chẳng phải trên, chẳng phải vượt hơn”.

Pháp sư Cảnh nói: “Đẳng phân hành”, nghĩa là có đủ các hành tham, sân, si, mạn, tầm, từ v.v..., không đồng với hành thêm riêng, nghĩa là thêm tham v.v..., cho nên nói: “chẳng phải trên, chẳng phải vượt hơn”. Nhưng hành giả đẳng phân này cặp khi gặp duyên tu hạnh bất tịnh, hoặc quán quán từ bi thương xót, cho đến gặp duyên quán về sở tức, với riêng, nghĩa là quán hạnh tương tự”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Người hành tham gặp duyên, liền khởi tham, tức gọi là hành giả tham. Người phần này cũng thế. Tùy theo chỗ gặp duyên, khởi ngay tham v.v... tức gọi là hành giả tham, giống như tham v.v.... Dưới đây, trong phần huyết minh về Bạc trần hành, đầu tiên là nêu bảy câu. Kế là, giải thích, sau là kết.

Trong phần giải thích, trước là giải thích về không có chương năng, vì không có ba chương.

Nói nghiệp chương, cho đến nay che lấp chánh đạo v.v... tức là năm tội nghịch và “cố tư” khác, tạo nên nghiệp bất thiện nặng nề, chiêu cảm ba đường ác.

Lại thứ tám có nghiệp của thân người nữ, Châu phía Bắc, nghiệp trời Vô Tướng. Quả Nghiệp kia khởi lên che lấp đạo thánh, không cho sinh khởi.

Chương Phiền não, tức là phẩm trên mạnh mẽ, nhạy bén thường khởi trong thời gian dài. Tịnh hạnh trong hiện pháp đã duyên quán bất tịnh v.v... không thể làm cho tịnh, gọi là chương phiền não trong chương Dị thực.

Luận sư Cảnh nói: “Rằng hoặc chỗ sinh đến quả Dị thực sinh, tức nghiệp chương ở trước đã chiêu cảm Dị thực. Vì dựa vào thánh đạo kia không sinh khởi, nên gọi là chương Dị thực. Phạm vương hoặc ứng, hóa Bồ-tát chẳng phải chương Dị thực. Nếu người thật sự thọ là chương Dị thực. Hoặc là có chỗ sinh, cho đến người điếc, lẫn thẩn, ngu đần v.v... như ba thiên hạ được cảm báo người, hoặc mang bệnh điếc, lẫn thẩn v.v... nên không sinh đạo thánh. Do điếc, lẫn thẩn v.v... nên thánh đạo bất sinh.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “hoặc chỗ sinh, nghĩa là tùy theo chỗ sinh. Thánh đạo dựa vào bất sinh kia, tức ba đường ác. Ở chỗ sinh này quả Dị thực sinh, nghĩa là Dị thực ác, sinh ở chỗ này, chẳng phải chỗ thánh đạo dựa vào”

Giải thích đầu tiên được thanh tịnh: Nghĩa là giới tịnh, thiện và người thấy ngay thẳng. Giới là nền tảng đầu tiên của sự lìa lỗi lầm. Chánh kiến, tức là vị nguyên thủ của nhiếp thiện, cho nên nói giới thiện, chánh kiến là đầu tiên của thanh tịnh.

Mười nhân tịnh giới, như quyển hai mươi tám trước đã nói mười pháp thuận học: 1/ lìa ấp của mẹ v.v.... Bốn câu thấy nghe ngay thẳng, giải thích về các Như Lai và đệ tử bậc thánh, cho đến người sinh thẳng giải v.v... sâu sắc, nghĩa là đối với chỗ sinh tịnh độ của thần lực khó nghĩ bàn của Phật và đệ tử bậc thánh. Đối với giáo pháp sâu xa Chân

như kia là sự không thể nói, sinh thắng giải sâu sắc, không có sợ hãi. Vì xa lìa sự lừa dối, dua nịnh, nên sự thấy ngay thẳng của người kia là loại ngay thẳng, nghĩa là không có ngay thẳng, giống với chánh kiến vô lậu, gọi là loại chánh kiến.

“Như Thánh giáo kia mà tu hành chân chánh”. Nghĩa là tùy theo tu hành nào, tùy chứng cạn sâu như Chân thật kia mà tự hiện chứng, không quá số lượng đó.

Giải thích về tư lương đã đủ giáo pháp, giáo nghĩa: Nghĩa là tà giáo của ngoại đạo gọi là phi pháp, nay được chân giáo gọi là giáo pháp, thuyết mà ngoại nói hoặc có một ít nghĩa hoặc hoàn toàn vô nghĩa, không gọi là giáonghĩa.

Các căn thành thực: Nghĩa là được năm căn như tín v.v... và bảy sắc căn đều đầy đủ.

Tư lương hiện pháp. Nghĩa là ít muốn, biết đủ.

Kế là giải thích về môn khác của Bồ-đặc-già-la có sáu:

1- Giải thích Sa-môn, văn chia làm năm:

- a, Nêu danh.
- b, Tóm tắt thuộc đương.
- c, Giải thích sơ lược.
- d, Giải thích lại.
- đ, Dẫn chứng.

Trong giải thích sơ lược, Pháp sư Thái nói: “Phật gọi là Thiện Thệ, là đạo tối thắng”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hoạt đạo Sa-môn, nghĩa là lấy đạo để nuôi sống mạng, gọi là Hoạt đạo. Theo Luận Bà-sa, Như lai Độc giác, gọi là Thắng đạo, Thanh văn Vô học, gọi là Thuyết đạo. Tất cả Hữu học gọi là Mạng đạo. Nếu có phạm phu ưa phạm giới cấm, gọi là Hoại đạo.”

Trong giải thích lại, Pháp sư Thái nói: “Các vị Hữu học, Vô học của Ba thừa gọi là chung là Thắng đạo. Hiện đời vì không có Phật, Bồ-tát, nên các Thanh văn thọ trì giáo ba tạng, gọi là Thuyết đạo. Phạm phu giữ giới vì tuệ mạng tồn tại, nên gọi là hoại đạo. Phạm phu phạm giới, phạm giới căn bản đầu tiên trong ba học, vì khó khắc tuệ mạng, nên gọi là hoại đạo.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu không có Như Lai và các Bồ-tát vì được Bồ-đề, cho đến các chúng Thanh văn giữ gìn ba tạng, gọi là Sa môn đạo, thì đây là y cứ ở thời kỳ không có Phật, Bồ-tát, Thanh văn soạn luận. Nếu Phật, Bồ-tát ở chúng Thanh văn, thì gọi là Thắng đạo,

Chư Phật, Bồ-tát gọi là đạo Sa-môn.

Nay, ở vào thời kỳ không có Phật, Bồ-tát, Thanh văn được gọi là Thuyết đạo, vì làm cho không dứt hạt giống. Do sự phá hoại kia, trước hết đã có căn bản v.v... của chánh đạo, nghĩa là ý trong đây nói giới là căn bản của chánh đạo.

Nay, vì phá giới, nên gọi là căn bản Đạo.

Trong phần dẫn chứng, y cứ ở luận Bà-sa, dẫn ba Thánh giáo để nói về bốn Sa môn:

1/ Kinh Sư Tử Hống.

2/ Kinh Phổ Hiền.

3/ Kinh Nan-đà.

Nay, kinh được dẫn chứng ở đây là kinh Sư tử Hống.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đức Thế tôn dựa vào kinh kia nói như vậy: “Cho đến giáo của ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn đều là không, chẳng thật có v.v...”. Nghĩa là trong đây ý nói về bốn hạng Samôn. Đức Thế tôn dựa vào chân giáo có nói lời như thế là nói các giáo của ngoại đạo, Samôn kia là tà giáo. Cho đến Hoại đạo cũng không thật có. Vì phải thọ chân giới mới sinh hư hoại, kia đã là tà giới, dù cho hư hoại, cũng chẳng phải Hoại đạo.”

Thứ hai, trong giải thích về Bà la môn, Pháp sư Thái nói: “Từ Bà-la-môn, cha mẹ mà sinh, gọi là chủng tịnh hạnh. Dù từ cha mẹ chủng khác mà sinh, tạo nên tên Tịnh hạnh, gọi là tướng tịnh hạnh. Tu tập chánh hạnh, gọi là chánh hạnh.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: Gọi là “Tướng Bà-la-môn, nghĩa là các thế gian v.v..., trong đây có giải thích: “Như cha mẹ Sát-Đế-lợi vì lập giả gọi là Bà-la-môn, thể là Sát-đề-lợi, gọi là chung Bà-la-môn. Lại do tướng, nghĩa là tướng danh v.v..., nghĩa là các thế gian v.v... đều đồng với tướng này gọi là Bà-la-môn. Thứ ba, dưới đây là Bà-la-môn chân thiện:

1/ Thọ pháp bất dâm.

2/ Đạo thế tục, tạm thời đoạn phạm hạnh.

3/ Phạm hạnh rốt ráo dứt Dục, nghĩa là quả Bất Hoàn v.v....

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì sao không nói về quả Sơ, Nhị? Lại, vì sao phạm hạnh thứ hai trước không nói về lìa dục của cõi Sắc, Vô Sắc?”

Nghĩa là không nói quả Sơ, Nhị. Vì lấy lìa toàn phần của cõi Dục để nói, đối với tạm thời, phạm hạnh thành. Tạm thời phạm hạnh vì chỉ nói cõi Dục. Lại, vì sao trong thứ hai ở trước không nói là dục của cõi Sắc v.v..., đây là ảnh hiển, so sánh mà biệt. Như A-la-hán và quả Bất

Hoàn, phải biệt rằng đạo thế gian cũng đối chiếu mà nói. Nên nói là lia Dục của Hữu sắc, vô Sắc. Nghĩa ảnh hiển này không có trái.

Nói rất ráo, vì đạo vô lậu dứt hạt giống, nên nói là rất ráo, chứ chẳng phải quả Vô học gọi là rất ráo.

Thứ tư, trong giải thích về Bí-sô, ở đây có hai giải thích:

1- Thuận với giáo, xin của cải lia tà mạng.

2- Nghĩa là thường xin ăn, khát thực v.v....

Tự xưng: như ngày nay, tăng phá giới, tự xưng ta là Bí-sô, hoặc có thể là người chưa thọ giới Cụ túc, tự xưng ta là Đại tăng.

Luật thập tụng nói về Tự xưng gọi là “Tặc trụ”.

Người tự cao bỏ râu tóc, mặc pháp phục, gọi là Tướng Bí-sô khi cạo bỏ râu, tóc, chưa thọ giới, chỉ có danh, tướng, Bí-sô mà chưa có giới.”

Luận sư Thủ nói: “Danh Tướng Tỳ-kheo, kinh Niết-bàn nói là Sa di chưa thọ mười giới mà rơi vào số tăng.”

Phá hoại phiền não. Nghĩa là như Luật Từ phần nói là Tỳ-kheo phá kiết, sử.

Thứ năm, trong giải thích về tinh tấn, siêng năng tinh tấn, siêng năng có ba:

1- Dứt hai nghiệp thân, ngũ bất thiện.

2- Dứt cảnh giới duyên bám, giữ gìn, che chở căn môn.

3- Dứt phiền não.

Phải biệt rằng trong đây, đại khái có hai cách dứt bỏ phiền não.

Luận sư Cảnh nói “Lược ba thành hai. Nay trong giải thích sự thôi dứt thứ ba, đại khái có chia làm hai:

1- Dứt Tùy Miên.

2- Dứt triền hiện tại.

Quyển thứ sáu, giải thích về xuất gia, như văn, quyển mười lăm hợp giải thích có bao nhiêu thứ kiến lập hai môn Nhân duyên. Trong đó có năm:

1- Nêu chung hai môn.

2- Nêu riêng về số môn đó.

3- Lấy nhân duyên để kiến lập tám người.

4- Kiến lập xong, kết.

5- Dùng năm câu để phân biệt, hoàn thành nhiều, ít.

Khéo biết Du-già, tức khéo biết phương tiện, nghĩa là do trí hạnh tương ứng với lý, nhân trí hạnh, chủ thể tương ứng chung với quả, nên trí được gọi là phương tiện, tức cũng gọi là tương ứng.

Nếu phần đông có căn Bồ-đặc-già-la chưa thành tựu v.v... cho

đến căn thứ hai, dù thành tựu mà chưa khéo giải phương tiện thiện xảo hai hạng người này khác nhau thế nào?

Nghĩa là: người trước chưa gieo trồng gốc lành. Người thứ hai, dù có gieo trồng phần ít, nhưng chưa giỏi về phương tiện khéo léo, đó là điểm khác nhau.

Quyển mười sáu hợp giải thích có mấy thứ hai môn của sự ma, trong đó 1/ nêu chung về hai môn khuyên biết, khuyên lia: kế là, giải thích riêng hai môn. Sau, giải thích xong, tổng kết.

Theo phần giải thích riêng, trước giải thích về sự ma; sau nói về sự ma.

Trong phần trước: 1/ Nêu ra thể tướng. 2/ Phải biết trong đây, Như chỗ đã nương tựa của người chết: Trở xuống phát ra tác dụng của cái chết.

Bốn câu: “ Như chỗ nương tựa của người chết: như thứ lớp bốn ma như uẩn v.v.... Do phiền não nên chiêu cảm đời đời ở đương lai xong, tức là có người chết yểu. Nói chung, do phiền não trong mười nhân quá khứ, hiện tại, chiêu cảm sự sống chết ở mai sau.

Lược qua, không nói về nhân duyên phiền não của quá khứ đã chết, hiện tại đang chết, ở đời trước v.v... các loại hữu tình mạng chết. Nghĩa là lời nói này cũng chung cho tự tánh của đã chết, nay đang chết và sẽ chết.

Khuyên người tu thiện v.v... là giải thích về tác dụng của ma trời. “Lại ma đối với người kia” trở xuống, là giải thích lại về thời tiết có tác dụng, không có tác dụng của ma trời.

“ Thế nào là sự ma ” trở xuống giải thích môn thứ hai. Đại khái nói có tám ma, nói rộng thì vô lượng.

Quyển mười bảy, giải thích về phát tu trống không, không có quả.

Thứ hai, vì giáo thọ không có thuận theo. Như ngài Xá-lợi tử bảo người giặt áo thực hành quán số tức: người xâu chuỗi khởi quán bất tịnh, do sự truyền trao sai lầm nên không được đạo thánh. Trong ba nhân duyên, đủ hai, thiếu một: có một, không có hai, đều không được hiệu quả.

Cơ vị Luận sư nói: do ba nhân duyên trống không, không có quả, nghĩa là đạo quả vô lậu chẳng phải là quả của thế gian. Vì sao biết được? Dưới đây nói rằng: “ Dù được định không có sự giáo hóa truyền trao, tức chân giáo thọ không theo, không có vô lậu sinh, do đó trống không không có quả.